

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20/10/2022

V/v: “Ly hôn giữa bà T và ông Kh”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R G, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Hoàng.

2. Bà Chung Kim Sang.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nguyên Hưng – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố R G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố R G xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 76/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/3/2022, về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dư Yến T, sinh năm 1974; Địa chỉ cư trú: Số 14/8B N T T, phường R S, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lý Hùng Kh, sinh năm 1972; Địa chỉ cư trú: Số 14/8B N T T, phường R S, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 01/3/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Dư Yến T trình bày: Bà T và ông Kh được người thân mai mối, đi đến chung sống vợ chồng vào năm 1997, có đăng ký kết hôn trễ hạn và được UBND xã B A, huyện C T, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/10/2002.

Lý do bà T yêu cầu xin ly hôn: Bà T cho rằng do quá trình chung sống tính tình không hợp, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong cách cư xử, sinh hoạt thường ngày; vợ chồng thiếu tin tưởng và quan tâm chăm sóc, thông cảm cho nhau. Cả hai đã nhiều lần tự hòa giải để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, sự cố gắng đó không mang lại kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Thấy chung sống không hạnh phúc nên đôi bên đã tự ly thân với nhau từ năm 2012 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Kh.

Về con chung: Bà T xác nhận có 02 người con chung tên Lý Nghiệp Tr, sinh ngày 07/8/1999, đã trưởng thành và Lý Nghiệp H, sinh ngày 06/7/2007.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà T yêu cầu:

Về hôn nhân: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông Kh.

Về con chung: Người con tên Lý Nghiệp Tr, sinh ngày 07/8/1999, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày nguyện vọng ngày 01/8/2022 người con tên Lý Nghiệp H có nguyện vọng muốn được sống với bà T. Bà T yêu cầu được nuôi người con tên Lý Nghiệp H, không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G phát biểu ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án thời điểm này thấy rằng Thẩm phán về cơ bản đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vụ án thụ lý ngày 07/3/2022 đến ngày 09/9/2022 mới có Quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo tính khách quan của vụ án.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T được ly hôn với ông Kh.

* Tòa án có triệu tập ông Lý Hùng Kh để hòa giải hôn nhân và gia đình, nhưng ông Kh vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như tổng đạt: Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy báo phiên tòa hợp lệ nhưng ông Kh vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bị đơn ông Lý Hùng Kh.

[2] Nhận định về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa bà T xác nhận, bà T và ông Kh tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1997, có đăng ký kết hôn trễ hạn và được UBND xã B A, huyện C T, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/10/2002. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Kh được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng bà T, ông Kh không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc; xuất phát từ việc tính tình đôi bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến trong cư xử sinh hoạt hàng ngày; vợ chồng không còn tin tưởng, thông cảm, quan tâm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục để hòa giải hôn nhân và gia đình nhưng ông Kh cố tình lánh mặt không đến Tòa án, điều đó cho thấy ông Kh cũng không mong muốn hàn gắn lại tình cảm với bà T. Đôi bên cũng đã ly thân với nhau từ năm 2012 cho đến nay, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông Kh đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T được ly hôn với ông Kh.

[4] Về con chung: Bà T xác nhận có 02 người con chung tên tên Lý Nghiệp Tr, sinh ngày 07/8/1999 và Lý Nghiệp H, sinh ngày 06/7/2007.

Người con tên Lý Nghiệp Tr, sinh ngày 07/8/1999, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

Bà T yêu cầu được nuôi người con tên Lý Nghiệp H, không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, quá trình trông nom, nuôi dưỡng con chung, bà T đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của người mẹ đối với con; đảm bảo được quyền, lợi ích hợp pháp của con. Vì vậy, để đảm bảo môi trường sống, sự phát triển, quyền lợi mọi mặt của những người con chung, cũng như tôn trọng nguyện vọng của người con chung. Trong phần nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất: Giao người con chung tên Lý Nghiệp H, sinh ngày 06/7/2007 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Do bà T không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Do suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông Kh vắng mặt, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Trường hợp, ông Kh có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng thì sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Dư Yến T và ông Lý Hùng Kh.

2. Về con chung: Người con tên Lý Nghiệp Tr, sinh ngày 07/8/1999, đã trưởng thành, HĐXX không xem xét.

Giao người con chung tên Lý Nghiệp H, sinh ngày 06/7/2007 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con.

Ông Kh được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp, ông Kh có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng thì sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Bà T phải nộp 300.000 đồng. Bà T đã tạm nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002079, ngày 01/3/2022 tại chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R G, nên bà T được khấu trừ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Kh vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. R G;
- THA DS TP. R G;
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tấn Nghĩa